

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Báo cáo tài chính đã được soát xét

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 - 2
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	3
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG  
Lô CII-3, đường số 5, Khu công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

### **1. Công ty**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang ("Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400469817 đăng ký lần đầu ngày 02/07/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 19/09/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 1400469817 vốn điều lệ của Công ty là 71.475.800.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 224/QĐ.TTGDHN ngày 03/06/2009 do Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp, với mã chứng khoán là SGC. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 18/06/2009.

Văn phòng Công ty được đặt tại số Lô CII-3, đường số 5, Khu công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Công ty có 1 Chi nhánh và 3 Xí nghiệp phụ thuộc như sau:

- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh được đặt tại 483 Tên Lửa, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp bánh phồng tôm Sa Giang 1 được đặt tại Lô CII-3, đường số 5, Khu công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- Xí nghiệp bánh phồng tôm Sa Giang 2 được đặt tại Lô III-2 và Lô III-3, khu A1, khu công nghiệp Sa Đéc, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.
- Xí nghiệp Sagiang Food được đặt tại số 88/6, đường Trần Hưng Đạo, Thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và mua bán thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở.
- Sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến thực phẩm, cho thuê mặt bằng,
- Sản xuất và mua bán đồ uống có cồn và không cồn.

### **2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

#### **Hội đồng Quản trị:**

##### Họ và tên:

- Ông Phạm Hữu Quá
- Ông Nguyễn Văn Kiệm
- Ông Mai Hoàng Tâm
- Ông Lê Văn Phúc
- Ông Phạm Thanh Hùng
- Ông Phạm Thành Đô

##### Chức vụ:

- Chủ tịch
- Phó chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/04/2013)

#### **Ban Tổng Giám đốc:**

##### Họ và tên:

- Ông Phạm Hữu Quá
- Ông Mai Hoàng Tâm
- Bà Mặt Bích Khuầy

##### Chức vụ:

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ đã được chỉ định soát xét cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và dòng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**7. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**

---

**Ông PHẠM HỮU QUÁ**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 08 năm 2013

Số: 101/2013/BCSX/CT

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

về Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 của  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

**Kính gửi: Quý cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được lập vào ngày 12 tháng 08 năm 2013 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang (gọi tắt là "Công ty") từ trang **4 đến trang 27** kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

### **Cơ sở công tác soát xét**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết quả công tác soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

---

**NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH**  
**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

CÔNG TY TNHH Kiểm toán AFC VIỆT NAM – CN Cần Thơ

Thành phố Cần Thơ, ngày 12 tháng 08 năm 2013

---

**LÊ NGỌC HẢI**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2013-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Lô CII-3, đường số 5, Khu công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

## BẢNG CÂN ĐOẠI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>68.832.067.857</b>	<b>68.973.058.700</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>12.829.310.090</b>	<b>10.128.305.655</b>
Tiền	111		12.829.310.090	9.843.971.588
Các khoản tương đương tiền	112		-	284.334.067
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>36.651.543.395</b>	<b>42.160.116.007</b>
Phải thu khách hàng	131	4.2	27.011.022.887	33.544.168.347
Trả trước cho người bán	132	4.3	9.835.711.851	8.471.813.030
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	157.777.521	305.873.410
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(352.968.864)	(161.738.780)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.5	<b>16.838.397.966</b>	<b>14.475.716.472</b>
Hàng tồn kho	141		16.838.397.966	14.475.716.472
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.512.816.406</b>	<b>2.208.920.566</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	378.526.365	489.414.355
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.13	1.553.054.013	1.000.015.810
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	581.236.028	719.490.401

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Lô CII-3, đường số 5, Khu công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

## BẢNG CÂN ĐOẠI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>56.708.345.286</b>	<b>58.752.881.796</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>54.267.471.129</b>	<b>58.524.831.789</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	50.291.746.360	51.847.585.363
Nguyên giá	222		77.159.325.206	77.333.373.846
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.867.578.846)	(25.485.788.483)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	3.975.724.769	6.032.264.451
Nguyên giá	228		4.577.825.033	9.029.845.662
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(602.100.264)	(2.997.581.211)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	644.981.975
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.440.874.157</b>	<b>228.050.007</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	2.440.874.157	228.050.007
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>125.540.413.143</b>	<b>127.725.940.496</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Lô CII-3, đường số 5, Khu công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>15.834.341.463</b>	<b>18.986.120.602</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.834.341.463</b>	<b>18.986.120.602</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.11	5.023.990.648	7.091.336.864
Người mua trả tiền trước	313	4.12	1.178.166.203	897.932.079
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.13	644.899.224	254.482.871
Phải trả công nhân viên	315		95.631.675	740.524.307
Chi phí phải trả	316		-	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.14	761.189.741	559.742.614
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.15	8.130.463.972	9.442.101.867
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>109.706.071.680</b>	<b>108.739.819.894</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16	<b>109.706.071.680</b>	<b>108.739.819.894</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		71.475.800.000	71.475.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		291.290	291.290
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		7.147.580.000	6.826.543.650
Quỹ dự phòng tài chính	418		7.720.462.404	6.889.309.716
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		23.361.937.986	23.547.875.238
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>125.540.413.143</b>	<b>127.725.940.496</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Lô CII-3, đường số 5, Khu công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

## **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngày 30 tháng 06 năm 2013**

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	Thuyết minh	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		202.506.355	202.506.355
Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		34.519,64	163.108,24
- CAD		800,00	800,00
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**NGUYỄN VĂN KIÊM**  
Kế toán trưởng

**PHẠM HỮU QUÁ**  
Tổng Giám đốc  
Đồng Tháp, ngày 12 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Lô CII-3, đường số 5, Khu công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>101.135.204.473</b>	<b>75.774.071.704</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		160.573.586	206.399.822
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	5.1	<b>100.974.630.887</b>	<b>75.567.671.882</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	5.2	<b>79.873.278.483</b>	<b>61.096.984.924</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>21.101.352.404</b>	<b>14.470.686.958</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	505.072.752	206.497.852
Chi phí tài chính	22	5.4	22.950.800	630.765.852
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		9.188.223	520.936.366
Chi phí bán hàng	24		3.910.031.787	2.471.901.967
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.260.681.993	2.343.174.954
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>14.412.760.576</b>	<b>9.231.342.037</b>
Thu nhập khác	31	5.5	370.332.248	28.472.727
Chi phí khác	32		146.092.204	655.698.141
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>224.240.044</b>	<b>(627.225.414)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>14.637.000.620</b>	<b>8.604.116.623</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.6	1.194.673.458	1.843.425.017
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>13.442.327.162</b>	<b>6.760.691.606</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	1.881	946

NGUYỄN VĂN KIỂM

Kế toán trưởng

PHẠM HỮU QUÁ

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Lô CII-3, đường số 5, Khu công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>14.637.000.620</b>	<b>8.604.116.623</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.306.195.335	2.874.259.721
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	191.230.084	(43.429.269)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(147.536.542)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(52.462.665)	(134.010.680)
Chi phí lãi vay	06	9.188.223	520.936.366
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>17.943.615.055</b>	<b>11.821.872.761</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	5.035.708.536	9.011.894.707
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(2.362.681.494)	2.544.339.587
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	434.547.649	(83.976.019)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(2.101.936.160)	252.443.352
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.188.223)	(520.936.366)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.018.043.926)	(1.275.797.280)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.056.337.263)	(508.777.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>14.865.684.174</b>	<b>21.241.063.242</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.751.791.823)	(353.060.160)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	27.272.727
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.462.665	81.908.953
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.699.329.158)</b>	<b>(243.878.480)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.134.100.000	5.068.830.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.134.100.000)	(13.794.540.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.461.449.585)	(14.295.160.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(10.461.449.585)</b>	<b>(23.020.870.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>2.704.905.431</b>	<b>(2.023.685.238)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>10.128.305.655</b>	<b>9.413.371.946</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.900.996)	(53.216.076)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>12.829.310.090</b>	<b>7.336.470.632</b>

NGUYỄN VĂN KIÊM  
Kế toán trưởng

PHẠM HỮU QUÁ  
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 08 năm 2013

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400469817 đăng ký lần đầu ngày 02/07/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 19/09/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 1400469817 vốn điều lệ của Công ty là 71.475.800.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 224/QĐ.TTGDHN ngày 03/06/2009 do Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp, với mã chứng khoán là SGC. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 18/06/2009.

Văn phòng công ty được đặt tại số Lô CII-3, đường số 5, Khu công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Công ty có 1 Chi nhánh và 3 Xí nghiệp phụ thuộc như sau:

- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh được đặt tại 483 Tên Lửa, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp bánh phồng tôm Sa Giang 1 được đặt tại Lô CII-3, đường số 5, Khu công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- Xí nghiệp bánh phồng tôm Sa Giang 2 được đặt tại Lô III-2 và Lô III-3, khu A1, khu công nghiệp Sa Đéc, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.
- Xí nghiệp Sagiang Food được đặt tại số 88/6, đường Trần Hưng Đạo, Thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy.
- Cho thuê mặt bằng
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
- Sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến thực phẩm
- Chế biến, bảo vệ thịt và các sản phẩm từ thịt
- In nhãn bao bì phục vụ đóng gói hàng hóa
- Mua bán thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy. Mua bán thủy hải sản, thịt và các sản phẩm từ thịt
- Mua bán đồ uống có cồn (rượu) và không cồn

Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và mua bán thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở.
- Sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến thực phẩm, cho thuê mặt bằng,
- Sản xuất và mua bán đồ uống có cồn và không cồn.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, tổng số nhân viên của Công ty là 552 người (30/06/2012: 418 người).

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

#### **3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày cuối kỳ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	15 – 25 năm
Máy móc thiết bị	07 – 10 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm

### **3.6 Tài sản cố định vô hình**

#### ***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng diện tích đất thuê tại khu công nghiệp Sa Đéc như sau:

Lô A Lô III- 2 & III – 3, khu A1, Khu công nghiệp Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp trong 41 năm. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 41 năm bắt đầu từ năm 2007.

### **3.7 Xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### **3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.

### **3.9 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc

### **3.10 Tiền lương**

Tổng chi phí tiền lương được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo đơn giá đăng ký tiền lương năm 2012 dựa theo công văn số 48/SLĐTBXH - LĐTC ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh Đồng Tháp.

### **3.11 Các khoản trích theo lương**

Bảo hiểm xã hội được trích trên lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 7%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

### **3.12 Doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

#### **Các ưu đãi về thuế:**

Theo thông tư số 199/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012, thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính và Công văn số 119/SG04 ngày 14/10/2004 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Sa Giang, Công ty được miễn thuế 3 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2014). Thuế suất thuế TNDN 15% được áp dụng trong 12 năm cho các thu nhập từ hoạt động kinh doanh.

Thuế suất thuế TNDN 25% được áp dụng cho các thu nhập khác

**Các loại thuế khác:** Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

### **3.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 3.15 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cửa hàng	Địa điểm	Quan hệ
Cửa hàng Sa Giang	Việt Nam	Ông Phạm Thanh Hùng là thành viên hội đồng quản trị Công ty và cũng là chủ sở hữu
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	Việt Nam	Cổ đông lớn nắm giữ 49,89% vốn điều lệ

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tồn quỹ	605.905.936	289.689.018
- VND	283.874.446	95.699.248
- USD	310.859.490	182.817.770
- CAD	11.172.000	11.172.000
Tiền gửi ngân hàng	12.223.404.154	9.554.282.570
- VND	11.808.108.502	6.624.215.984
- USD	415.295.652	2.930.066.586
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	284.334.067
- USD	-	284.334.067
	<b>12.829.310.090</b>	<b>10.128.305.655</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 như sau:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt tồn quỹ		
- USD	14.777,50	310.859.490
- CAD	800,00	11.172.000
Tiền gửi ngân hàng		
- USD	19.742,14	415.295.652

### 4.2 Phải thu thương mại

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu thương mại - Bên liên quan	4.435.396.057	4.783.445.197
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	22.575.626.830	28.760.723.150
	<b>27.011.022.887</b>	<b>33.544.168.347</b>

### 4.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Trả trước cho người bán - Bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán - Bên thứ ba	9.835.711.851	8.471.813.030
	<b>9.835.711.851</b>	<b>8.471.813.030</b>



#### 4.4 Các khoản phải thu khác

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản bảo hiểm nộp thừa	23.831.184	50.944.803
Phải thu khác	133.946.337	254.928.607
	<b>157.777.521</b>	<b>305.873.410</b>

#### 4.5 Hàng tồn kho

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.340.830.172	8.538.168.314
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.249.286.526	2.340.204.898
Thành phẩm	6.237.327.305	3.594.540.755
Hàng hóa	10.953.963	2.802.505
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>16.838.397.966</b>	<b>14.475.716.472</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>16.838.397.966</b>	<b>14.475.716.472</b>

#### 4.6 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	257.555.879	195.848.488
Chi phí sửa chữa	-	280.500.000
Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng	120.970.487	-
Chi phí khác	-	13.065.867
	<b>378.526.365</b>	<b>489.414.355</b>

#### 4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	581.236.028	592.179.251
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	127.311.150
	<b>581.236.028</b>	<b>719.490.401</b>

#### 4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 01/01/2013	52.754.782.893	21.914.831.471	2.608.907.742	54.851.740	77.333.373.846
Tăng từ mua sắm	133.750.000	153.783.006	-	-	287.533.006
Tăng từ XDCB	978.609.245	1.211.657.253	-	-	2.190.266.498
Phân loại lại TSCĐ	(369.629.517)	(1.203.904.945)	(1.023.461.942)	(54.851.740)	(2.651.848.144)
Vào ngày 30/06/2013	53.497.512.621	22.076.366.785	1.585.445.800	-	77.159.325.206
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 01/01/2013	12.873.578.117	10.738.685.312	1.818.673.314	54.851.740	25.485.788.483
Khấu hao trong năm	1.455.705.901	1.370.000.895	93.456.592	-	2.919.163.388
Phân loại lại TSCĐ	(264.168.979)	(842.313.341)	(376.038.965)	(54.851.740)	(1.537.373.025)
Vào ngày 30/06/2013	14.065.115.039	11.266.372.866	1.536.090.941	-	26.867.578.846
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 01/01/2013	39.881.204.776	11.176.146.159	790.234.428	-	51.847.585.363
Vào ngày 30/06/2013	39.432.397.582	10.809.993.919	49.354.859	-	50.291.746.360

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại 30/06/2013 có các tài sản có nguyên giá 6.255.470.628 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 6.500.083.649 VND).

#### 4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2013	4.577.825.033	4.452.020.629	9.029.845.662
Giảm khác	-	(4.452.020.629)	(4.452.020.629)
Vào ngày 30/06/2013	4.577.825.033	-	4.577.825.033
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2013	548.969.865	2.448.611.346	2.997.581.211
Khấu hao trong năm	53.130.399	333.901.548	387.031.947
Giảm khác	-	(2.782.512.894)	(2.782.512.894)
Vào ngày 30/06/2013	602.100.264	-	602.100.264
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2013	4.028.855.168	2.003.409.283	6.032.264.451
Vào ngày 30/06/2013	3.975.724.769	-	3.975.724.769

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG  
 Lô CII-3, đường số 5, Khu công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

**4.10 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/06/2013</b> VND	<b>01/01/2013</b> VND
Lợi thế kinh doanh	1.335.606.188	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.105.267.969	228.050.007
	<b>2.440.874.157</b>	<b>228.050.007</b>

**4.11 Phải trả người bán**

	<b>30/06/2013</b> VND	<b>01/01/2013</b> VND
Phải trả người bán – Bên liên quan	-	-
Phải trả người bán – Bên thứ ba	5.023.990.648	7.091.336.864
	<b>5.023.990.648</b>	<b>7.091.336.864</b>

**4.12 Người mua trả tiền trước**

	<b>30/06/2013</b> VND	<b>01/01/2013</b> VND
Người mua trả tiền trước – Bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước – Bên thứ ba	1.178.166.203	897.932.079
	<b>1.178.166.203</b>	<b>897.932.079</b>

**4.13 Thuế**

**Thuế GTGT được khấu trừ**

	<b>30/06/2013</b> VND	<b>01/01/2013</b> VND
Thuế GTGT được khấu trừ	1.553.054.013	1.000.015.810
	<b>1.553.054.013</b>	<b>1.000.015.810</b>

**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/06/2013</b> VND	<b>01/01/2013</b> VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	407.001.066	230.371.534
Thuế thu nhập cá nhân	237.709.066	22.520.113
Thuế tiêu thụ đặc biệt	189.092	1.591.224
	<b>644.899.224</b>	<b>254.482.871</b>

**4.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2013</b> VND	<b>01/01/2013</b> VND
Kinh phí công đoàn	-	163.154.372
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	265.481.242	295.481.242
Phải trả, phải nộp khác	495.708.499	101.107.000
	<b>761.189.741</b>	<b>559.742.614</b>

**4.15 Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	<b>30/06/2013</b> VND	<b>Năm 2012</b> VND
Số dư đầu kỳ	9.442.101.867	6.044.650.527
Trích lập quỹ	1.662.305.376	4.300.000.000
Tăng khác		1.000.000
Chi quỹ	(2.963.937.263)	(883.536.644)
Giảm khác	(10.006.008)	(20.012.016)
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>8.130.463.972</b>	<b>9.442.101.867</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG  
 Lô CII-3, đường số 5, Khu công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

**4.16 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư ngày 01/01/2012</b>	<b>71.475.800.000</b>	<b>291.290</b>	<b>(31.278.317)</b>	<b>4.905.122.267</b>	<b>4.967.888.333</b>	<b>36.420.201.822</b>	<b>117.738.025.395</b>
Lãi năm trước	-	-	-	-	-	16.968.854.182	16.968.854.182
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.921.421.383	1.921.421.383	(3.842.842.766)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.300.000.000)	(4.300.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	31.278.317	-	-	-	31.278.317
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(21.442.738.000)	(21.442.738.000)
Chi thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(252.600.000)	(252.600.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(3.000.000)	(3.000.000)
<b>Số dư ngày 31/12/2012</b>	<b>71.475.800.000</b>	<b>291.290</b>	<b>-</b>	<b>6.826.543.650</b>	<b>6.889.309.716</b>	<b>23.547.875.238</b>	<b>108.739.819.894</b>
<b>Số dư ngày 01/01/2013</b>	<b>71.475.800.000</b>	<b>291.290</b>	<b>-</b>	<b>6.826.543.650</b>	<b>6.889.309.716</b>	<b>23.547.875.238</b>	<b>108.739.819.894</b>
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	13.442.327.162	13.442.327.162
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	321.036.350	831.152.688	(1.152.189.038)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.662.305.376)	(1.662.305.376)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(10.721.370.000)	(10.721.370.000)
Chi thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(92.400.000)	(92.400.000)
<b>Số dư ngày 30/06/2013</b>	<b>71.475.800.000</b>	<b>291.290</b>	<b>-</b>	<b>7.147.580.000</b>	<b>7.720.462.404</b>	<b>23.361.937.986</b>	<b>109.706.071.680</b>

Công ty đã chia cổ tức và trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi theo nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHCGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là**

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Vốn cổ phần được duyệt	7.147.580	71.475.800.000	7.147.580	71.475.800.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	7.147.580	71.475.800.000	7.147.580	71.475.800.000
Cổ phiếu ưu đãi				
	<b>7.147.580</b>	<b>71.475.800.000</b>	<b>7.147.580</b>	<b>71.475.800.000</b>
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	7.147.580	71.475.800.000	7.147.580	71.475.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**4.17 Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang số 01/2013/NQ-ĐHCD ngày 25 tháng 4 năm 2013 đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2012 là 17.868.950.000 VND (25%/Vốn chủ sở hữu). Năm 2012, theo Biên bản họp HĐQT số 05/BBHĐQT.12 ngày 08 tháng 11 năm 2012, công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 với số tiền là 7.147.580.000 VND (10%/Vốn chủ sở hữu).

**4.18 Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

**Quỹ đầu tư và phát triển**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang, Công ty trích 1,93% từ lợi nhuận thuần sau thuế vào quỹ đầu tư và phát triển trong phần vốn chủ sở hữu nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Quỹ dự phòng tài chính**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang, Công ty trích 5% từ lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự phòng tài chính nhằm mục đích bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ xảy ra trong quá trình kinh doanh.

**Các quỹ khác**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang, Công ty trích 10% lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu**

	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012 VND</b>
<b>Tổng doanh thu</b>		
Doanh thu xuất khẩu thành phẩm	45.005.527.226	40.031.523.279
Doanh thu bán thành phẩm nội địa	56.116.436.729	35.687.826.032
Doanh thu khác	13.240.518	54.722.393
<b>Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	(65.454.545)	-
Giảm giá hàng bán	(5.352.016)	(182.134.356)
Hàng bán bị trả lại	(82.636.692)	(15.369.000)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(7.130.333)	(8.896.466)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>100.974.630.887</b>	<b>75.567.671.882</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012 VND</b>
Giá vốn xuất khẩu thành phẩm	47.765.373.846	30.804.717.313
Giá vốn thành phẩm tiêu thụ nội địa	32.107.904.637	30.277.917.611
Giá vốn bán phế liệu	-	14.350.000
	<b>79.873.278.483</b>	<b>61.096.984.924</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012 VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	52.462.665	81.908.953
Lãi đầu tư cổ phiếu	-	24.829.000
Lãi do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	298.897.461	57.490.537
Lãi do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	147.536.542	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.176.084	42.269.362
	<b>505.072.752</b>	<b>206.497.852</b>

**5.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012 VND</b>
Chi phí lãi vay ngân hàng	9.188.223	520.936.366
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.086.404	109.641.404
Chi phí hoạt động tài chính khác	676.173	188.082
	<b>22.950.800</b>	<b>630.765.852</b>

#### 5.5 Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	-	27.272.727
Thu cho thuê mặt bằng	14.236.364	-
Thu nhập khác	356.095.884	1.200.000
	<b>370.332.248</b>	<b>28.472.727</b>

#### 5.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.637.000.620	8.604.116.623
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(18.771.160)	655.698.141
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	128.765.382	655.698.141
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(147.536.542)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	14.618.229.460	9.259.814.764
- <i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh</i>	14.056.386.289	9.152.152.793
- <i>Thu nhập khác</i>	561.749.990	107.661.971
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- <i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh</i>	15%	15%
- <i>Thu nhập khác</i>	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.248.909.418	1.399.738.412
Giảm 50% thuế TNDN theo giấy chứng nhận đầu tư	(1.054.235.960)	(686.411.459)
Truy thu thuế TNDN từ những năm trước	-	1.130.098.064
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.194.673.458</b>	<b>1.843.425.017</b>

#### 5.7 Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.662.824.635	44.044.331.017
Chi phí nhân công	15.793.603.219	10.608.642.986
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.296.189.328	2.978.648.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.087.786.121	1.704.793.335
Chi phí bằng tiền khác	6.022.940.018	6.575.645.625
	<b>87.863.343.320</b>	<b>65.912.061.845</b>



## 5.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 13.442.327.162 VND (6 tháng đầu năm 2012: 6.760.691.606 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 7.147.580 cổ phiếu (6 tháng đầu năm 2012: 7.147.580), được tính như sau:

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.442.327.162	6.760.691.606
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.442.327.162	6.760.691.606
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.147.580	7.147.580
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.881	946

## 6. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, dài hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu, chi phí thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

#### **ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>30/06/2013</b>			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	5.023.990.648	-	5.023.990.648
Các khoản phải trả, phải nộp khác	761.189.741	-	761.189.741
	<b>5.785.180.389</b>	<b>-</b>	<b>5.785.180.389</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG  
 Lô CII-3, đường số 5, Khu công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

**31/12/2012**

Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	7.091.336.864	-	7.091.336.864
Các khoản phải trả, phải nộp khác	396.588.242	-	396.588.242
	<b>7.487.925.106</b>	-	<b>7.487.925.106</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2012 và 30/06/2013.

**iv. Giá trị hợp lý**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2013	31/12/2012	30/06/2013	31/12/2012
Tài sản tài chính	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	22.222.657.966	28.598.984.370	22.222.657.966	28.598.984.370
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	4.435.396.057	4.783.445.197	4.435.396.057	4.783.445.197
<i>Các khoản phải thu khác</i>	133.946.337	382.239.757	133.946.337	382.239.757
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư ngắn hạn</i>	-	-	-	-
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	12.829.310.090	10.128.305.655	12.829.310.090	10.128.305.655
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.621.310.450</b>	<b>43.892.974.979</b>	<b>39.621.310.450</b>	<b>43.892.974.979</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
<i>Vay và nợ</i>	-	-	-	-
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải trả người bán</i>	5.023.990.648	7.091.336.864	5.023.990.648	7.091.336.864
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	761.189.741	396.588.242	761.189.741	396.588.242
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.785.180.389</b>	<b>7.487.925.106</b>	<b>5.785.180.389</b>	<b>7.487.925.106</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012. Ban Tổng Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Các nghiệp vụ với bên liên quan**

**Giao dịch với các bên có liên quan**

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng năm 2013
		VND
Cửa hàng Sa Giang	Bán hàng	11.403.879.326
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	Trả cổ tức	5.348.638.500

**Số dư các khoản phải thu các bên có liên quan**

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>			
Cửa hàng Sa Giang	Bán hàng	4.435.396.057	4.783.445.197

**7.2 Lương thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ tài chính như sau:**

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Lương và thưởng	529.492.465	408.754.443
Các khoản khác	193.400.000	78.000.000
	<u>722.892.465</u>	<u>486.754.443</u>

**7.3 Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

**Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất bánh phồng tôm các loại.

**Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là xuất khẩu

6 tháng đầu năm 2012	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	40.031.523.279	35.564.621.330	75.596.144.609
Chi phí trực tiếp	(30.804.717.313)	(30.292.267.611)	(61.096.984.924)
Chi phí phân bổ	(1.246.317.497)	(1.225.584.470)	(2.471.901.967)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>7.980.488.469</b>	<b>4.046.769.249</b>	<b>12.027.257.718</b>
Chi phí không phân bổ			(2.998.873.095)
Thu nhập hoạt động tài chính			206.497.852
Chi phí hoạt động tài chính			(630.765.852)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>8.604.116.623</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(1.843.425.017)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>6.760.691.606</b>
Vào ngày 31/12/2012			
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>			
Tài sản của bộ phận	9.483.959.402	17.661.950.888	27.145.910.290
Tiền và các khoản tương đương tiền			7.336.470.632
Các khoản đầu tư			-
Tài sản không phân bổ			91.548.035.089
<b>Tổng tài sản</b>			<b>126.030.416.011</b>
Nợ phải trả không phân bổ			20.119.207.510
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>20.119.207.510</b>

6 tháng đầu năm 2013	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	56.111.084.713	45.233.878.422	101.344.963.135

<b>6 tháng đầu năm 2013</b>	<b>Hoạt động xuất khẩu VND</b>	<b>Tiêu thụ nội địa VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Chi phí trực tiếp	(47.765.373.846)	(32.107.904.637)	(79.873.278.483)
Chi phí phân bổ	(2.164.844.883)	(1.745.186.904)	(3.910.031.787)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>6.180.865.984</b>	<b>11.380.786.881</b>	<b>17.561.652.865</b>
Chi phí không phân bổ			(3.406.774.197)
Thu nhập hoạt động tài chính			505.072.752
Chi phí hoạt động tài chính			(22.950.800)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>14.637.000.620</b>
Chi phí thuế thu nhập TNDN			(1.194.673.458)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>13.442.327.162</b>
Vào ngày 30/06/2013			
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>			
Tài sản của bộ phận	9.811.802.421	16.846.251.602	26.658.054.023
Tiền & các khoản tương đương tiền			12.829.310.090
Các khoản đầu tư			-
Tài sản không phân bổ			86.053.049.030
<b>Tổng tài sản</b>			<b>125.540.413.143</b>
Nợ phải trả không phân bổ			15.834.341.463
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>15.834.341.463</b>

#### 7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

\_\_\_\_\_  
**NGUYỄN VĂN KIEM**  
 Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**PHẠM HỮU QUÁ**  
 Tổng Giám đốc  
 Đồng Tháp, ngày 12 tháng 08 năm 2013